

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **08/2023/HSST**

Ngày: 13/01/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Chi

Các hội thẩm nhân dân: **Bà Bùi Thị Quỳnh, Bà Hoàng Phương Lan;**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 13/01/2023, Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 319/2022/HSST ngày 02 tháng 12 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 330/2022/QĐ-TA ngày 30 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **T.N.M**, sinh năm 1985; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký thường trú: Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên cha: Trần N.S, sinh năm: 1953; Họ tên mẹ: Nguyễn T.B, sinh năm: 1953; Họ tên vợ: Lê Thị Thu Hoài, sinh năm: 1983 (đã ly hôn); Con: Có 01 con sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: Không.

Danh chỉ bản số 431 do Công an quận Bắc Từ Liêm lập ngày 01/10/2022. Bị cáo bị truy nã theo quyết định số 08 ngày 03/4/2012. Ngày 28/9/2022, bị cáo đến Công an phường Xuân Đình đầu thú. Hiện nay đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:**

- Chị C.T.H, sinh năm 1985; Nơi ĐKKHKT: Tổ 3, thị trấn Quang M, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh N.V.N, sinh năm 1986; Nơi ĐKNKTT: Xã Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Hưng, thành phố Nam Định. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh P.M.N, sinh năm 1983; Nơi ĐKNKTT: Xã Nam Thanh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày 16/9/2011, 19/01/2012, 17/2/2012, chị C.T.H và anh N.V.N và anh P.M.N đến Công an huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội tố giác T.N.M có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vật chứng: Thu giữ của chị C.T.H 02 giấy biên nhận tiền. Thu giữ của chị N.V.N 01 giấy biên nhận tiền.

Ngày 16/12/2011, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Từ Liêm đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 32 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội giám định chữ ký, chữ viết của T.N.M. Kết luận giám định số 446/PC54 ngày 17/01/2012 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: Chữ viết, chữ ký dòng họ tên “T.N.M” dưới chữ ký trên 02 giấy nhận tiền đứng tên T.N.M, đề ngày 04/3/2011 nhận 60.000.000 đồng của anh Đỗ Trọng Phong và ngày 30/5/2011 nhận 20.000.000 đồng của chị C.T.H (Ký hiệu A1,A2) với chữ ký, chữ viết dòng họ tên “T.N.M” dưới chữ ký trên sơ yếu lý lịch tự thuật” không đề ngày tháng năm; “Hợp đồng đại diện tiếp thị và bán hàng” Ngày 15/12/2010; “Bản cam kết của bên đại diện tiếp thị và bán hàng” ngày 15/12/2010 (Ký hiệu M1, M2,M3) là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Quá trình điều tra xác định:

T.N.M làm việc tại Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (Địa chỉ: 13 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội) thời gian từ tháng 12/2010 đến tháng 4/2011 và được giao nhiệm vụ làm tiếp thị và bán hàng. M không có chức năng, nhiệm vụ tuyển dụng cán bộ, nhân viên vào làm việc tại Ngân hàng ANZ Việt Nam. Tuy nhiên, M giới thiệu là có mối quan hệ, có khả năng xin việc vào làm tại ngân hàng ANZ Việt Nam với chi phí khoảng từ 80.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng cho 01 trường hợp và cam kết nếu đưa đủ tiền sau 01 tháng sẽ được đi làm. Sau khi nhận tiền, M không thực hiện cam kết xin việc, M không làm gì mà sử dụng tiền để tiêu sài cá nhân hết. Trong thời gian từ tháng 02/2011 đến tháng 11/2011, với thủ đoạn như trên T.N.M đã chiếm đoạt của ba bị hại số tiền là 180.000.000 đồng, cụ thể:

Khoảng tháng 02/2011, qua anh Đỗ Trọng Phong (sinh năm: 1987, HKTT: Thôn An Đẽ, Hiệp Hòa, Vũ Thư, Thái Bình) giới thiệu, T.N.M quen biết với chị C.T.H (Sinh năm: 1985; HKTT: Tổ 3, thị trấn Quang M, Mê Linh, Hà Nội). M tự giới thiệu hiện đang công tác tại Ngân hàng ANZ Việt Nam và có khả năng xin việc vào làm nhân viên tại Ngân hàng ANZ Việt Nam với chi phí là 80.000.000 đồng,

trong vòng 02 tháng là có thể đi làm được. Tin tưởng, chị Hồng đã đưa hồ sơ xin việc và tiền cho M 04 lần: Ngày 03/3/2011, chị Hồng đưa cho M: 30.000.000 đồng tại số 216A đường Hoàng Quốc Việt. Ngày 04/3/2011, chị Hồng đưa cho M: 30.000.000 đồng tại số 216A đường Hoàng Quốc Việt, có sự chứng kiến của anh Phong, M viết giấy biên nhận số tiền của cả hai lần đưa trên là 60.000.000 đồng. Sau đó, đến giữa tháng 5/2011, chị Hồng đưa cho M 10.000.000 đồng trên đường Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội. Ngày 30/5/2011, chị Hồng đưa cho M 10.000.000 đồng tại quán nước vỉa hè trên đường Hoàng Quốc Việt, M viết giấy biên nhận số tiền của cả hai lần đưa trên là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền chị Hồng đã đưa cho M là 80.000.000 đồng để xin việc nhưng sau 02 tháng vẫn không được đi làm, chị Hồng đã nhiều lần liên hệ với M nhưng M lẩn tránh không gặp, không trả lại tiền cho chị Hồng. Toàn bộ số tiền nhận của chị Hồng, M đã sử dụng tiêu sài cá nhân hết còn bộ hồ sơ xin việc M đã vứt đi. Khoảng tháng 7/2011, thông qua chị Nguyễn Thị Ngọc Thoa (sinh năm: 1986, HKTT: Thôn Quần Liêu, Nghĩa Sơn, Nghĩa Hưng, Nam Định), M có quen biết với anh N.V.N (sinh năm: 1986, HKTT: Nghĩa Sơn, Nghĩa Hưng, Nam Định). M giới thiệu là đang làm việc tại ngân hàng có nhiều mối quan hệ có thể xin việc làm tại Ngân hàng Bắc Á với chi phí là 70.000.000 đồng, còn Ngân hàng ANZ Việt Nam là 90.000.000 đồng trong thời gian 01 tháng có thể đi làm. Do đang có nhu cầu xin việc vào làm tại ngân hàng cho bạn gái, anh Ngũ đã nhờ M xin cho bạn gái vào làm việc tại Ngân hàng Bắc Á, đồng thời chuyển hồ sơ và tiền cho M: Ngày 18/7/2011 là 35.000.000 đồng; ngày 06/9/2011 là 25.000.000 đồng cùng tại địa chỉ 216A đường Hoàng Quốc Việt, Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Đến tháng 9/2011, M nói muốn đi làm ngay thì phải chuyển thêm tiền. Tin tưởng M, ngày 31/10/2011, anh Ngũ chuyển tiếp số tiền 30.000.000 đồng cho M tại quán cà phê trên đường Hoàng Hoa Thám, Hà Nội để bạn gái có thể được đi làm sớm. Ba lần nhận tiền trên, M đều viết biên nhận chung vào 01 tờ giấy. Tổng số tiền anh Ngũ đã đưa cho M là 85.000.000 đồng để xin việc nhưng quá thời gian hứa hẹn mà vẫn không xin được việc. Anh Ngũ nhiều lần liên hệ với M nhưng M lẩn tránh không gặp. Toàn bộ số tiền anh Ngũ đưa, M đã sử dụng tiêu sài cá nhân hết. Khoảng tháng 11/2011, qua mối quan hệ xã hội M có quen biết với anh P.M.N (sinh năm: 1983, HKTT: Phường Âu Cơ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ). M giới thiệu đang làm việc tại ngân hàng ANZ (mặc dù M đã nghỉ việc tại ngân hàng từ tháng 4/2011) và giới thiệu hiện tại ngân hàng ANZ đang có chỉ tiêu tuyển dụng dành cho người nhà của nhân viên ngân hàng với chi phí là 40.000.000 đồng (xuất nội bộ) đồng thời cam kết cam kết sau khoảng 15 ngày sẽ được đi làm. Tin tưởng, anh Nam đã đưa hồ sơ và tiền cho M 02 lần, tổng cộng là 15.000.000 đồng tại quán cà phê gần khu Triển lãm Nông Nghiệp,

Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội (không viết giấy biên nhận tiền). Quá thời gian hứa hẹn, anh Nam đã nhiều lần liên hệ với M nhưng M lẩn tránh không gặp, tắt điện thoại, toàn bộ số tiền anh Nam đưa, M đã sử dụng tiêu sài cá nhân hết.

Tại cơ quan điều tra, T.N.M khai nhận như đã nêu trên và khai do không có tiền để trả lại cho chị Hồng, anh Ngũ, anh Nam nên M đã trốn khỏi địa phương đi làm ăn xa. Biết không thể trốn tránh được mãi nên ngày 28/9/2022 M đã đến cơ quan Công an phường Xuân Đình đầu thú. Hiện, M và gia đình đã bồi thường xong cho chị Hồng, anh Ngũ, anh Nam. Đối với anh Đỗ Trọng Phong có giới thiệu M với chị Hồng và để chị Hồng trực tiếp trao đổi, thỏa thuận với M. Anh Phong không được hưởng lợi gì từ việc giới thiệu chị Hồng cho M, do đó không có căn cứ để xử lý đối với Phong. Đối với chị Nguyễn Thị Ngọc Thoa quen biết M qua P.M.N, Thoa có giới thiệu M với anh Ngũ và để anh Ngũ trực tiếp trao đổi, thỏa thuận với M. Thoa không được hưởng lợi gì từ việc giới thiệu anh Ngũ cho M, do đó không có căn cứ để xử lý đối với Thoa.

Về dân sự: T.N.M đã bồi thường cho chị C.T.H 80.000.000 đồng, anh N.V.N 85.000.000 đồng, anh P.M.N 15.000.000 đồng. Chị Hồng, anh Ngũ, anh Nam đều đã nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu bồi thường về dân sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bản cáo trạng số 321/CT-VKSBLT, ngày 30/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã truy tố T.N.M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 : Xử phạt bị cáo T.N.M mức án 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng. Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc

Từ Liêm, TP. Hà Nội: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những căn cứ xác định tội danh: Từ tháng 02/2011 đến tháng 11/2011, T.N.M không có khả năng xin việc cho những người có nhu cầu vào làm tại Ngân hàng nhưng với mục đích chiếm đoạt tiền, M đã dùng thủ đoạn gian dối tạo lòng tin với các bị hại là M vẫn đang làm việc ở ngân hàng và có thể xin cho người có nhu cầu vào làm việc tại ngân hàng không qua thi tuyển mà chỉ nộp hồ sơ với chi phí khoảng 80.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng thì sau khoảng 01 - 02 tháng sẽ được đi làm. Với thủ đoạn trên, M đã chiếm đoạt của chị C.T.H 80.000.000 đồng, của anh N.V.N 85.000.000 đồng, của anh P.M.N 15.000.000 đồng. Tổng số tiền M chiếm đoạt 180.000.000 đồng đã sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân hết. Quá trình điều tra, M đã bồi thường cho các bị hại. Chị C.T.H, anh N.V.N, anh P.M.N không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Hành vi phạm tội của T.N.M đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Với giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 180.000.000 đồng bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009. Do đó cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, vì vậy cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã ra đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thể hiện thái độ ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận hành phạm tội, bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho các bị hại, các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có nhân thân tốt có nơi cư trú rõ ràng, lần đầu bị đưa ra xét xử, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bản thân là lao động chính trong gia đình là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[5] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã phân tích ở trên. Hội đồng xét xử nhận thấy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng có tác

dụng giáo dục và phòng ngừa chung, giúp bị cáo trở thành công dân tốt. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo T.N.M phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009; Điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo T.N.M 32 (Ba mươi hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày Tòa tuyên án.

Giao bị cáo T.N.M cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo T.N.M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp Hà Nội;
- VKSND Q. Bắc Từ Liêm;
- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND TP. Hà Nội;
- Công an Q. Bắc Từ Liêm;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục Thi hành án Q.Bắc Từ Liêm;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

Nguyễn Thùy Chi